TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Tám

2/ Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - *Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp TH, xã TH1, TXCL, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp TH, xã TH1, TXCL, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh B, vắng mặt chị H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14-10-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn B trình bày:*

Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị H tự nguyện chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Từ khi kết hôn, anh B và chị H chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2017 - 2018 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay anh B không còn chung sống với chị H. Mặc dù, anh B và chị H đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh B yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh B và chị H có 03 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07-3-2008; Nguyễn Bảo G, sinh ngày 13-6-2010 và Nguyễn Bảo Trâm A, sinh ngày 21-8-2021. Từ khi anh B và chị H không còn chung sống, con chung Nguyễn Bảo N và Nguyễn Bảo G do anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; riêng cháu Nguyễn Bảo Trâm A do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng các cháu có cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất, tinh thần. Khi ly hôn, anh B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N và Nguyễn Bảo G, đồng ý để chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Trâm A; anh B và chị H không ai phải dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trương Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Trương Thị H vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B: Cho anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị H ly hôn; Về nuôi con chung

nhằm đảm ổn định cuộc sống cho các cháu, đề nghị giao con chung Nguyễn Bảo N và Nguyễn Bảo G cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo Trâm A cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Văn B yêu cầu ly hôn với bị đơn Trương Thị H có nơi cư trú tại ấp TH, xã TH1, TXCL, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của anh Nguyễn Văn B về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho chị Trương Thị H được biết nhưng chị H không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung, chị anh B và chị H sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cải vả. Anh B cho rằng tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị H không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho anh B và chị H đoàn tụ nhưng chị H không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ chị H cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, thể hiện tình cảm giữa anh B và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B.

[3] Về con chung: Các cháu Nguyễn Bảo N, Nguyễn Bảo G và Nguyễn Bảo Trâm A chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Anh Nguyễn Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Bảo N, Nguyễn Bảo G; đồng ý giao cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu

Nguyễn Bảo Trâm A. Xét thấy, anh B và chị H có đủ điều kiện về sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con. Từ khi anh B và chị H không còn sống chung, cháu N và cháu G do anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Trâm A do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng đảm bảo cho các cháu phát triển về mọi mặt, cuộc sống đã ổn định nên cần giao con cháu N và cháu G cho anh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trâm A cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi nhằm đảm bảo quyền lợi, lợi ích của trẻ em và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu G. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung Nguyễn Bảo N, Nguyễn Bảo G cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Bảo Trâm A cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H và anh B có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B.

1/ Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn B được ly hôn với bị đơn Trương Thị H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07-3-2008; Nguyễn Bảo G, sinh ngày 13-6-2010 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo Trâm A, sinh ngày 21-8-2021 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh B đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018295 ngày 12-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã Cai Lậy, TG;
- UBND xã TH, TX Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Cẩm Loan